

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày: 07-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thới

Bà Phạm Thị Lập

Ông Nguyễn Thanh Nhật

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1984, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1950 (chết) và bà Trần Thị Kim H1, sinh năm 1960; Có 04 anh, chị, em ruột; Có vợ tên Phan Thị Kim H2, sinh năm 1989 và 02 người con, sinh năm 2010 và năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn L, Luật sư Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An, bào chữa chỉ định cho Nguyễn Minh T. (có mặt)

- Bị hại:

1. Đinh Thị Thu V, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Nguyễn Châu K, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 44 đường L, khu phố 2, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Trần Cẩm T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Trần Thị Kim H1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Phan Thị L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Lê Thị B, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Ngô Văn K1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố 1, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết và nhiều lần vay mượn tiền của anh Nguyễn Châu K, sinh năm 1981, HKTT: Khu phố 2, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An và chị Đinh Thị Thu V, sinh năm 1974, HKTT: Khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An, nên vào khoảng tháng 4/2019, Nguyễn Minh T lên mạng xã hội đặt mua 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có cùng số BP 388467 thửa số 223 và 224 cùng tờ bản đồ số 07, diện tích 28.407m², tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An, do ông Nguyễn Tân Th - PGĐ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An ký, cấp ngày 16/9/2014, 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả này, đều do Nguyễn Minh T, sinh năm 1984, HKTT: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An đứng tên quyền sử dụng đất, với giá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nhằm mục đích thế chấp cho người khác vay tiền. Khoảng 15 ngày sau, có một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) liên lạc, giao cho T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nêu trên. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian tháng 6/2020 và tháng 3/2021 T đã sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nêu trên mang đến thế chấp cho anh K và chị V để vay và chiếm đoạt tiền của anh K, chị V. Cụ thể:

Ngày 10/6/2020, T mang 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả đến cầm cố cho anh K để vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), với lãi suất 2%/tháng, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng. T và K không làm hợp đồng cầm cố mà chỉ viết 01 giấy

biên nhận cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho K giữ. Khi cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì T nói với anh K là vay tiền để mua đất trong khu dân cư Bệnh viện 500 giường tại Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An. Ngày 10/7/2020, T tiếp tục đến gặp anh K để vay thêm số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và trả số tiền lãi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) như đã thỏa thuận. Đồng thời, T lấy biên nhận cũ xé bỏ và viết giấy biên nhận mới là vay của anh K số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), T giao Biên nhận cho anh K giữ. Ngày 10/8/2020, T tiếp tục đến gặp anh K để vay thêm số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và trả số tiền lãi 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) như đã thỏa thuận; đồng thời, T lấy biên nhận cũ xé bỏ và viết giấy biên nhận mới là T vay của anh K với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), T giao giấy Biên nhận cho K giữ.

Ngày 10/3/2021, T tiếp tục lấy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả còn lại đến cầm cho chị V với số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). T và chị V không làm hợp đồng cầm cố mà chỉ viết giấy Biên nhận giao cho chị V giữ. T và chị V thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, trả lãi hàng tháng. Khi cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì T nói với chị V là cần tiền để mượn nhà trọ Th thuộc Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An sửa chữa lại cho người khác thuê. Sau đó, T lại đến xin chị V vay thêm số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng chị V không đồng ý. Từ khi vay tiền đến nay, T chưa trả tiền lãi cho chị V.

Do thời gian T không thực hiện việc trả lại số tiền vay và lãi như đã thỏa thuận nên anh K, chị V đi xác minh nguồn gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà T cầm cố thì biết 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà T cầm cố cho anh K và chị V là giả nên anh K và chị V làm đơn tố cáo T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K, tỉnh Long An để xử lý.

Tại Bản kết luận giám định số: 649/2021/KLGD ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BP 388467 (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1) và “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BP 388467 (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2) là giả.

Tại Bản kết luận giám định số: 758/2021/KLGD ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Chữ viết bắt đầu “Cộng Hòa...” và kết thúc “...Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Minh T” Bằng bút bic màu xanh ở dưới các chữ “Kiến Tường, ngày 10/8/2020”, trên tờ “Biên nhận cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1); chữ viết bắt đầu “BIÊN NHẬN...” và kết thúc “...Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người viết giấy và nhận tiền”, trên tờ “Biên nhận”(đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2) với: Chữ viết bắt đầu “Nguyễn Minh T...” và kết thúc “...Ng Minh T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký

mang tên “Ng Minh T” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người khai”, trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1 và M4); chữ viết bắt đầu “Nguyễn Minh T...” và kết thúc “...Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người khai”, trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M2); chữ viết bắt đầu “Nguyễn Minh T...” và kết thúc “...Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Minh T” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người viết tự khai”, trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M3) là do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng như sau:

- Thu giữ của Nguyễn Châu K:

+ 01 (một) giấy “Biên nhận cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, ngày 10/8/2020 (bản chính).

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 388467, thửa đất số 223, 224, tờ bản đồ số 07; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An; diện tích: 28407m², do ông Nguyễn Tân Th - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 16/9/2014, vào sổ cấp GCN: CS00569; do Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984, HKTT: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An đứng tên sở hữu (bản chính).

- Thu giữ của Đinh Thị Thu V:

+ 01 (một) giấy “Biên nhận”, ngày 10/3/2021 (bản chính).

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 388467, thửa đất số 223, 224, tờ bản đồ số 07; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An; diện tích: 28407m², do ông Nguyễn Tân Th - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 16/9/2014, vào sổ cấp GCN: CS00569; do Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984, HKTT: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An đứng tên sở hữu (bản chính).

- Thu giữ của Nguyễn Minh T: 01 (một) Biên nhận nợ ghi ngày 01/7/2020, Nguyễn Thị D ký tên; 01 (một) Biên nhận tên Phan Thị L1, SN: 1979, CMND: 300933987; 01 (một) Biên nhận tên Trần Quốc H3, ghi ngày mượn 11/5/2020; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 22/6/2020, Huỳnh Thị Thúy H4 ký tên; 01 (một) Giấy mượn tiền, ghi ngày 17/5/2020, Nguyễn Thị Ng ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi tên Phan Thị Kim Ph, SN: 1985, do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 02/6/2019; 01 (một) Biên nhận ghi tên Phan Thị Kim Ph, SN: 1985, đóng ngày 29/6/2019, do Phan Thị Kim Ph ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 27/6/2019, do Lê Thị T2 ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 27/6, do Tô Thị Mười B1 ký tên; 01 (một) Biên nhận do Lâm Thị Bạch T3 ký tên, bắt đầu ngày 26/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Thúy A ký tên, ngày 25/6/2018; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 26/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, góp ngày 24/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Nguyễn Thị Th1 ký tên, ngày 16/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phạm Thành L2 ký

tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 15/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Võ Thị Hồng T4 ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 14/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, góp ngày 16/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 14/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 08/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Trần Thị K2 ký tên, ngày 10/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Lâm Thị Bạch T3 ký tên, ngày 15/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Võ Thị Hồng T4 ký tên, ngày 09/7/2019.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T đã tác động chi ruột tên Nguyễn Trần Cẩm T1 khắc phục toàn bộ số tiền cho các bị hại Nguyễn Châu K số tiền 1.000.000.000 đồng, Đinh Thị Thu V số tiền 700.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSLA-P2 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố Nguyễn Minh T về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đúng không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Cẩm T1 xác định bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại Nguyễn Châu K số tiền 1.000.000.000 đồng, bị hại Đinh Thị Thu V số tiền 700.000.000 đồng. Bà T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị hại Nguyễn Châu K và Đinh Thị Thu V vắng mặt, tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như theo đơn xin vắng mặt, các bị hại xác định bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, các bị hại xin bãi nại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày trong quá trình điều tra.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T đã có đủ yếu tố cấu thành các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản

4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, bị cáo có ông ngoại tên Trần Văn X là liệt sĩ, các bị hại xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 12 năm đến 14 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 15 năm đến 18 năm tù.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Luật sư Lê Văn L bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân bị cáo phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, bị cáo có ông ngoại tên Trần Văn X là liệt sĩ, các bị hại xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, còn vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tuy nhiên, những người này đã được triệu tập hợp lệ, các bị hại có đơn xin vắng mặt và trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó, căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, nên vào khoảng tháng 4/2019 đến tháng 3/2021, Nguyễn Minh T đặt mua 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên mạng xã hội sau đó mang cầm cho Nguyễn Châu K và Đinh Thị Thu V để vay tiền. Anh K và chị V tin 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là thật nên giao tiền cho T. Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của anh K, chị V với tổng số tiền là 1.700.000.000 đồng. Khi vay tiền, T dùng lời lẽ gian dối nói với anh K và chị V mục đích T vay tiền để sử dụng vào việc mua đất, thuê nhà, nhưng sau khi vay được tiền thì T sử dụng vào mục đích để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tổng số tiền của các bị hại là 1.700.000.000 đồng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo sử dụng giấy tờ giả nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác với số tiền 1.700.000.000 đồng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành

chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và của cá nhân. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của bị hại là do công sức lao động làm ra, bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo bất chấp chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, do đó cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, bị cáo có ông ngoại tên Trần Văn X là liệt sĩ, các bị hại xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại Nguyễn Châu K 1.000.000.000 đồng và Đinh Thị Thu V 700.000.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Nguyễn Trần Cẩm T1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng, đối với: 01 (một) giấy “Biên nhận cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, ngày 10/8/2020; 01 (một) giấy “Biên nhận”, ngày 10/3/2021; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 388467, thửa đất số 223, 224, tờ bản đồ số 07; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An; diện tích: 28407m², do ông Nguyễn Tân Th - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 16/9/2014, vào sổ cấp GCN: CS00569; do Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984, HKTT: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An đứng tên sở hữu (bản chính); 01 (một) Biên nhận nợ ghi ngày 01/7/2020, Nguyễn Thị D ký tên; 01 (một) Biên nhận tên Phan Thị L1, SN: 1979, CMND: 300933987; 01 (một) Biên nhận tên Trần Quốc H3, ghi ngày mượn 11/5/2020; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 22/6/2020, Huỳnh Thị Thúy H4 ký tên; 01 (một) Giấy mượn tiền, ghi ngày 17/5/2020, Nguyễn Thị Ng ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi tên Phan Thị Kim Ph, SN: 1985, do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 02/6/2019; 01 (một) Biên nhận ghi tên Phan Thị Kim Ph, SN: 1985, đóng ngày 29/6/2019, do Phan Thị Kim Ph ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 27/6/2019, do Lê Thị T2 ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 27/6, do Tô Thị Mười B1 ký tên; 01 (một) Biên nhận do Lâm Thị Bạch T3 ký tên, bắt đầu ngày 26/6/2019; 01 (một) Biên nhận do

Phan Thị Thúy A ký tên, ngày 25/6/2018; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 26/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, góp ngày 24/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Nguyễn Thị Th1 ký tên, ngày 16/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phạm Thành L2 ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 15/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Võ Thị Hồng T4 ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 14/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, góp ngày 16/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 14/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 08/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Trần Thị K2 ký tên, ngày 10/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Lâm Thị Bạch T3 ký tên, ngày 15/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Võ Thị Hồng T4 ký tên, ngày 09/7/2019, các tài liệu trên là vật chứng của vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[8] Đối với đối tượng bán cho Nguyễn Minh T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, Cơ quan điều tra đã xác minh, điều tra nhưng không xác định được họ tên, số điện thoại, địa chỉ cụ thể của đối tượng này nên không đủ căn cứ xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh T 12 (mười hai) năm tù.**

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh T 03 (ba) năm tù.**

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **15 (mười lăm) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2022.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy “Biên nhận cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, ngày 10/8/2020; 01 (một) giấy “Biên nhận”, ngày 10/3/2021; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 388467, thửa đất số 223, 224, tờ bản đồ số 07; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An; diện tích: 28407m², do ông Nguyễn Tân Th - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 16/9/2014, vào sổ cấp GCN: CS00569; do Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984, HKTT: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An đứng tên sở hữu (bản chính); 01 (một) Biên nhận nợ ghi ngày 01/7/2020, Nguyễn Thị D ký tên; 01 (một) Biên nhận tên Phan Thị L1, SN: 1979, CMND: 300933987; 01 (một) Biên nhận tên Trần Quốc H3, ghi ngày mượn 11/5/2020; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 22/6/2020, Huỳnh Thị Thúy H4 ký tên; 01 (một) Giấy mượn tiền, ghi ngày 17/5/2020, Nguyễn Thị Ng ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi tên Phan Thị Kim Ph, SN: 1985, do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 02/6/2019; 01 (một) Biên nhận ghi tên Phan Thị Kim Ph, SN: 1985, đóng ngày 29/6/2019, do Phan Thị Kim Ph ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 27/6/2019, do Lê Thị T2 ký tên; 01 (một) Biên nhận ghi ngày 27/6, do Tô Thị Mười B1 ký tên; 01 (một) Biên nhận do Lâm Thị Bạch T3 ký tên, bắt đầu ngày 26/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Thúy A ký tên, ngày 25/6/2018; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 26/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, góp ngày 24/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Nguyễn Thị Th1 ký tên, ngày 16/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phạm Thành L2 ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 15/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Võ Thị Hồng T4 ký tên, ngày 23/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Đinh Thị Ngọc Tr ký tên, ngày 14/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, góp ngày 16/6/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 14/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Phan Thị Kim Ph ký tên, bắt đầu ngày 08/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Trần Thị K2 ký tên, ngày 10/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Lâm Thị Bạch T3 ký tên, ngày 15/7/2019; 01 (một) Biên nhận do Võ Thị Hồng T4 ký tên, ngày 09/7/2019.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- CQĐT Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Ngọc Thành